

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - HÌNH THỨC CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

Hà Nội, năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH	1
1.1. Giới thiệu chương trình.....	1
1.2. Thông tin chung về chương trình	1
1.3. Triết lý đào tạo.....	2
1.4. Mục tiêu đào tạo	2
1.4.1. Mục tiêu chung	2
1.4.2. Mục tiêu cụ thể	3
1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh	3
1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá.....	4
1.8. Điều kiện tốt nghiệp.....	4
1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp	4
PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH.....	5
2.1. Kiến thức	5
2.2. Kỹ năng	5
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.....	6
2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra	7
PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH.....	8
3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình.....	8
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức	8
3.3. Khung chương trình.....	8
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra.....	25
3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ.....	28
3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần	29
3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình.....	36
3.7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu.....	36
3.7.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình	42
3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình:.....	43
3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình.....	43

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai hệ chính quy nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực công tác, có kiến thức chuyên sâu đảm nhiệm nhiệm vụ quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và ứng dụng thực tế trong quản lý đất đai một cách có hiệu quả. Hiểu rõ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật và có khả năng vận dụng thành thạo các chính sách, tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong công tác quản lý đất đai.

Có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, khoa học kỹ thuật của đất nước; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.2. Thông tin chung về chương trình

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Quản lý đất đai**
 - Tiếng Anh: **Land Administration**
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Chuyên ngành đào tạo: Quản lý đất đai
- Mã số: 8850103
- Thời gian đào tạo: 1,5 - 2 năm
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - Thạc sĩ Quản lý đất đai
 - **Master of land Administration**
- Thời gian ban hành chương trình: 2016
- Thời gian rà soát, sửa đổi chương trình gần nhất: 2021
- Kiểm định chương trình:

1.3. Triết lý đào tạo

“Quản lý đất đai hiện đại: Tương lai của Bạn - Sự mạng của chúng tôi!”

Phát triển Khoa Quản lý đất đai là khoa đầu ngành trong đào tạo và nghiên cứu khoa học về lĩnh vực quản lý đất đai trong cả nước, phần đầu là khoa trọng điểm trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về quản lý đất đai theo định hướng ứng dụng, đào tạo theo hướng chuẩn quốc tế.

- Phát triển chương trình đào tạo các ngành theo định hướng ứng dụng, trang bị kiến thức nền tảng vững chắc, đồng thời chú trọng phát triển năng lực thực hành nghề nghiệp và khả năng thích ứng với môi trường làm việc hiện đại. Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức đào tạo, ứng dụng những công nghệ giáo dục mới, thúc đẩy quá trình tự học qua nghiên cứu, sáng tạo và trải nghiệm.

- Phát triển hài hòa và gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu ứng dụng và triển khai; gắn kết nghiên cứu với đào tạo, thúc đẩy chuyển giao tri thức và thương mại hóa sản phẩm; chú trọng đồng thời nâng cao thành tích và phát triển tiềm lực nghiên cứu.

- Phát triển theo định hướng hội nhập với khu vực và quốc tế, tiếp thu chọn lọc những mô hình và kinh nghiệm thành công của các trường đại học đầu ngành trong và ngoài nước về quản lý đất đai, quản lý và kinh doanh bất động sản. Đào tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh, nâng cao trách nhiệm xã hội, coi người học là chủ thể, trung tâm của mọi hoạt động đào tạo.

- Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo về quản lý đất đai, quản lý và kinh doanh bất động sản tại Việt Nam và trên thế giới;

- Thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội và phục vụ cộng đồng trong lĩnh vực đất đai, quản lý và kinh doanh bất động sản và ngành tài nguyên và môi trường.

1.4. Mục tiêu đào tạo

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai hình thức chính quy theo định hướng ứng dụng nhằm giúp học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác, có kiến thức chuyên sâu đảm nhiệm nhiệm vụ quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và ứng dụng thực tế trong quản lý đất đai một cách có hiệu quả. Hiểu rõ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật và có khả năng vận dụng các chính sách, tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ để ứng dụng trong công tác Quản lý và sử dụng đất đai đáp ứng tình hình mới, hội nhập kinh tế quốc tế, ứng phó với biến

đổi khí hậu.

Có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp tốt, có ý thức phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, khoa học kỹ thuật của đất nước; có thể tiếp tục tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

a) Rèn luyện thế giới quan, phương pháp luận triết học, củng cố nhận thức về cơ sở lý luận trong đường lối của Đảng và chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam

b) Có kiến thức tổng hợp khoa học Quản lý đất đai như các công cụ về chính sách - pháp luật đất đai, quy hoạch đất đai, kinh tế đất, hệ thống thông tin đất đai. ..

c) Phát triển và nâng cao các kỹ năng, sử dụng thành thạo và linh hoạt những công cụ quản lý đất đai vào thực tiễn xử lý các vấn đề, nhiệm vụ mà ngành quản lý đất đai đặt ra.

d) Nâng cao kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh trong nghiệp vụ chuyên môn, giảng dạy, nghiên cứu về lĩnh vực quản lý đất đai trong và ngoài nước.

e) Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.

- Cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương có liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai và các ngành gần.

- Các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ, các đơn vị sự nghiệp hoạt động về lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên và môi trường, khoa học đất...

- Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục đại học, các viện nghiên cứu về quản lý và sử dụng đất đai, tài nguyên và môi trường, khoa học đất.

- Tự thành lập và tổ chức các hoạt động dịch vụ nghiên cứu, sản xuất và tư vấn liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai.

1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thực hiện theo Thông tư số 23/2021/TT - BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Nghị quyết số 46 /NQ - HĐTĐHHN ngày 21 tháng 3 năm 2022 của chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

1.6. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

1.8. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về quản lý đất đai tại các cơ quan Trung ương (Cục, Vụ, Thanh tra, văn phòng . v.v).

- Chuyên viên làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp về đất đai (Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Văn phòng đăng ký đất đai cấp tỉnh; Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện; cán bộ tài nguyên môi trường cấp xã. Các đơn vị sự nghiệp thuộc các cơ quan Nhà nước về lĩnh vực đất đai;

- Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu về lĩnh vực đất đai;

- Giảng viên trong các Học viện, trường Đại học, Cao đẳng có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực ngành Quản lý đất đai.

- Cán bộ bộ phận hành chính 1 cửa xử lý hồ sơ lĩnh vực quản lý đất đai (cấp tỉnh, huyện, xã);

- Kỹ thuật viên làm việc tại các công ty, các tổ chức tư vấn hoạt động trong các lĩnh vực Quản lý đất đai gồm: xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; đánh giá đất; định giá đất; phân tích và kiểm soát số lượng và chất lượng đất; xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường; đo đạc lập bản đồ các loại; các công ty môi giới kinh doanh bất động sản; các công ty xây dựng, giao thông, thủy lợi; các tổ chức tài chính tín dụng...

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Kiến thức

Sau khi tốt nghiệp ra trường, người học có khả năng:

** Kiến thức chung:*

(2.1.1) Hiểu được cơ sở lý luận triết học trong nhận thức và vận dụng vào lĩnh vực chuyên ngành

** Kiến thức chuyên môn:*

(2.1.2) Áp dụng các kiến thức cơ sở chuyên ngành và ngoại ngữ để tư duy, phân tích, đánh giá nhu cầu xã hội cùng góp phần với các cơ quan quản lý nhà nước trong xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật đất đai, xây dựng chiến lược phát triển quản lý và sử dụng đất, đề xuất các chương trình, dự án cho các nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý đất đai. Phân biệt, giải thích và áp dụng được những quy định của chính sách pháp luật đất đai vào giải quyết và đề xuất các nhiệm vụ chuyên môn trong ngành quản lý đất đai.

(2.1.3) Phân tích kiến thức chuyên sâu về điều tra đánh giá tài nguyên đất đai từ đó đề xuất định hướng quản lý, sử dụng đất hợp lý, hiệu quả và bảo vệ môi trường.

(2.1.4) Phân tích và đánh giá được những vấn đề liên quan và các vấn đề phát sinh đến kinh tế đất, tài chính đất đai, định giá đất và thị trường bất động sản.

(2.1.5) Đánh giá, khai thác công nghệ hiện đại trong quản lý đất đai phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, xây dựng bản đồ chuyên đề các loại về quản lý đất đai; theo dõi, giám sát quản lý sử dụng đất; lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai.

2.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung*

(2.2.1) Cải thiện kỹ năng tư duy logic, kỹ năng thuyết trình, phản biện nhóm vào thực tiễn.

(2.2.2) Kỹ năng Tiếng Anh: Đạt chuẩn bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào

tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B2 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
4/6 (Khung VN)	5.5	500 PBT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Busines Vantage	60	B2

* *Kỹ năng chuyên môn*

(2.2.3) Chuẩn hóa, đánh giá và nghiên cứu độc lập để đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề về kinh tế, xã hội, kỹ thuật trong lĩnh vực quản lý đất đai và tài nguyên môi trường. Phân tích và đánh giá được chính xác các công việc liên quan đến thực tiễn công tác Quản lý đất đai.

(2.2.4) Thành thạo kỹ năng chuyên sâu trong ngành Quản lý đất đai: Tham gia thực hiện, tư vấn trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch nông nghiệp; giá đất, thẩm định giá đất và bất động sản, thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất và lập dự án trong lĩnh vực quản lý đất đai; ứng dụng trong xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai

(2.2.5) Có khả năng sử dụng thiết kế, xây dựng, khai thác, chia sẻ các công nghệ và phương tiện hiện đại trong lĩnh vực quản lý đất đai.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

(2.3.1) Có tinh thần cầu thị, cởi mở, có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao;

(2.3.2) Có thái độ, ý thức xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực và làm việc theo hiến pháp và pháp luật;

(2.3.3) Hình thành quan điểm, lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật, hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp.

(2.3.4) Tiếp thu chủ động định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; hoàn thiện và phát triển các kiến thức nhằm nâng cao năng lực bản thân và vận dụng vào công tác chuyên môn trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất.

(2.3.5) Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành quản

lý đất đai và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, năng lực dẫn dắt chuyên môn;

(2.3.6) Có sáng kiến trong xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tế.

2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO				
		MTa	MTb	MTc	MTd	MTe
Kiến thức	2.1.1	X			X	X
	2.1.2	X	X	X	X	X
	2.1.3			X		
	2.1.4		X			
	2.1.5		X	X		
Kỹ năng	2.2.1	X	X	X	X	X
	2.2.2				X	X
	2.2.3		X	X		
	2.2.4		X	X		
	2.2.5		X	X		X
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	2.3.1	X	X	X	X	X
	2.3.2	X	X	X	X	X
	2.3.3	X				X
	2.3.4				X	X
	2.3.5		X	X		X
	2.3.6		X	X	X	X

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	60	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
- Khối kiến thức chung	6	10,0
- Kiến thức cơ sở và chuyên ngành	45	75,0
+ <i>Bắt buộc:</i>	27	(45,0)
+ <i>Tự chọn:</i>	18	(30,0)
- Đề án tốt nghiệp	9	15,0

3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức

Tên học phần	Chuẩn đầu ra															
	1. Kiến thức					2. Kỹ năng					3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm					
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6
Khối kiến thức chung (06 tín chỉ)	3	-	-	-	-	2	3	-	-	-	2	3	-	-	-	-
Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành (45 tín chỉ)	-	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
Đề án tốt nghiệp (09 tín chỉ)	2	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	2	2

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

3.3. Khung chương trình

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết;

- TL, TH, TT: Thảo luận, Thực hành, Thực tập.

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG							

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
1	NNTA201	Tiếng Anh B2	3	Học phần “Tiếng Anh B2” cung cấp cho học viên kiến thức về các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ đề như thông tin cá nhân (identity), các câu chuyện (tales), tương lai (Future), nghề nghiệp (jobs) và các giải pháp (solutions). Qua môn học này, người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở trình độ B2 thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày và nâng cao khả năng giao tiếp qua những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	16	29	90	
2	LCML201	Triết học	3	Sau khi học xong học phần học viên được trang bị những kiến thức cơ bản của các tư tưởng triết học trong lịch sử, vai trò của triết học Mác - Lênin trong giai đoạn hiện nay; quan hệ giữa triết học với các khoa học và vai trò của khoa học - công nghệ trong sự phát triển xã hội để rèn luyện thể giới quan và phương	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				pháp luận triết học cho học viên trong nhận thức và vận dụng thực tiễn.				
II	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ CHUYÊN NGÀNH							
II.1	Bắt buộc		27					
3	QĐQB201	Phân tích chính sách đất đai	3	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức liên quan tới: Các vấn đề cơ bản về chính sách và phân tích chính sách nói chung; Khái niệm, đặc điểm, mục tiêu và vai trò của chính sách đất đai; Khái niệm, mục đích, nội dung và phương pháp phân tích chính sách đất đai; Phân tích một số chính sách đất đai cụ thể ở Việt Nam. Học phần sẽ giúp cho học viên có các kiến thức cơ bản làm nền tảng học tập các học phần tiếp theo của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai.	30	15	90	
4	QĐKQ209	Tiếng Anh chuyên ngành	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được kiến thức tổng quát bằng Tiếng Anh của các môn học khác nhau thuộc khối kiến thức ngành Quản lý đất đai như: thuế sử dụng đất, luật đất	11	19	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				đai, quy hoạch sử dụng đất, định giá và đánh giá đất. Qua môn học này, học viên sử dụng được và phân biệt được các hiện tượng ngữ pháp thường được sử dụng trong tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành như câu chủ động, bị động, câu điều kiện, câu có mệnh đề quan hệ, câu so sánh. Ngoài ra học viên còn được tiếp cận và sử dụng thành thạo những từ vựng liên quan đến các chủ đề của chuyên ngành Quản lý đất đai với lượng từ chuyên ngành khoảng 200 từ.				
5	QĐKQ201	Đánh giá đất nâng cao	3	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được kiến thức nâng cao về khung đánh giá đất theo FAO cùng các quy trình đánh giá đất của FAO cho một số nhóm đất chính (đất nông nghiệp có tưới, đất nông nghiệp không có tưới, đất lâm nghiệp); các quy trình và kỹ thuật đánh giá phân hạng đất nông nghiệp, chất lượng đất, ô nhiễm đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	30	15	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
6	QĐKQ202	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	3	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức chung về sử dụng đất bền vững; phân tích được khái niệm, cơ sở, nguyên tắc và yêu cầu của quy hoạch sử dụng đất bền vững; Tổng hợp và đánh giá được thực tế quy hoạch sử dụng đất một số nước trên thế giới và Việt Nam; Vận dụng lồng ghép các yếu tố môi trường và xã hội nhằm đạt được sự bền vững trong quy hoạch sử dụng đất tại Việt Nam. Đánh giá được việc ứng dụng bài toán tối ưu trong lập phương án quy hoạch sử dụng đất.	35	10	90	
7	QĐCT201	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức chung tổng quan về cơ sở dữ liệu đất đai; Trình bày và giải thích được một số khái niệm, trách nhiệm xây dựng và giá trị pháp lý của cơ sở dữ liệu đất đai; Tổng hợp và đánh giá được thực trạng và định hướng xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai ở Việt Nam và hệ thống thông tin đất đai một số nước trên thế giới; Vận	20	10	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				dụng các kiến thức đã học để xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai và thiết kế được mô hình cơ sở dữ liệu đất đai từ đó cập nhật, vận hành và quản lý bảo mật cơ sở dữ liệu đất đai.				
8	QĐQB202	Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức về Hệ thống đăng ký đất đai hiện đại; Lịch sử phát triển của đăng ký đất đai ở Việt Nam; Giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai; Một số vấn đề chung về Chính phủ điện tử; Chính phủ điện tử ngành Tài nguyên và môi trường; Cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và môi trường; Mô hình hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai trên thế giới và Việt Nam.	22	8	60	
9	QĐQB203	Thẩm định giá đất và Bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức Tổng quan về thẩm định giá đất và bất động sản; các phương pháp thẩm định giá bất động sản; quy trình thẩm định giá bất động sản.				
10	QĐQB204	Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu được một số vấn đề chung về giám sát, theo dõi, đánh giá việc	22	8	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				quản lý và sử dụng đất; Vận dụng trong công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai; thanh tra, giám sát việc thực hiện chức năng quản lý sử dụng đất đai của các cấp hành chính trong đó tập trung vào giám sát, theo dõi và đánh giá việc quản lý, sử dụng đất đai; thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai và Giám sát của công dân trong quản lý và sử dụng đất đai.				
11	QĐQB205	Chính sách thu hồi đất	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò của công tác thu hồi đất; các chính sách cụ thể về thu hồi đất như căn cứ thu hồi đất, các trường hợp thu hồi đất, trưng dụng đất, trình tự, thủ tục thu hồi đất; đối tượng, điều kiện, mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.	22	8	60	
12	QĐQB214	Thực tập ngoại khóa	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu được kiến thức thực tế về quản lý và sử dụng đất thông qua các		30	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				hoạt động: khảo sát thực tế tại các địa phương, tìm hiểu đánh giá về công tác xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai, đăng kí đất đai, thẩm định giá đất và Bất động sản và thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất cũng như công tác quản lý nhà nước về đất đai, tình hình kinh tế - xã hội và kinh nghiệm quản lý.				
13	QĐQB215	Thực tập thẩm định giá đất và bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần học viên vận dụng kiến thức đã học để lập quy trình thẩm định giá đất và bất động sản và vận dụng các phương pháp để thẩm định giá đất đất và bất động sản, tổ chức thực hiện các nghiệp vụ định giá đất đai.		30	60	
14	QĐCT206	Thực tập Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên có kỹ năng về việc thực hiện quy trình vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai; học viên tự thiết kế các mô hình về hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai; Xử lý thông tin, xây dựng, cập nhật dữ liệu cho cơ sở dữ liệu đất đai. Trình bày và giải thích được một số khái niệm khái niệm, trách nhiệm xây		30	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				dựng và giá trị pháp lý của cơ sở dữ liệu đất đai; Các học viên sử dụng được các phần mềm phục vụ xây dựng quản lý và vận hành hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất trên nền tảng công nghệ thông tin theo quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.				
II.2	Tự chọn (18/36 tín chỉ)							
15	QĐQB206	Quản lý và kinh doanh Bất động sản	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức chung về thị trường bất động sản và kinh doanh bất động sản; Phân tích và đánh giá được các hoạt động kinh doanh bất động sản như các chiến lược; lập phương án và vận dụng được các loại hình đầu tư trong kinh doanh bất động sản; Phân tích, vận dụng được luật kinh doanh bất động sản, các chính sách của nhà nước trong công tác quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản. Học viên có kỹ năng Marketing, kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh bất động sản. Có kỹ năng tìm kiếm các văn bản quy phạm pháp luật, các tài	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				liệu liên quan đến kinh doanh bất động sản.				
16	QĐKQ210	Kinh tế đất ứng dụng	2	Sau khi kết thúc học phần học viên giải thích được các kiến thức về kinh tế đất, địa tô, lý thuyết cung cầu, các khái niệm liên quan đến kinh tế đất, lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế sử dụng đất, giá trị đất đai tăng thêm, điều tiết giá trị đất đai tăng thêm. Áp dụng được các kiến thức về chi phí cơ hội và điều tiết giá trị đất đai tăng thêm trong các bài toán thực tiễn khi thực hiện quy hoạch, chuyên mục đích sử dụng đất trong dự án đầu tư hạ tầng tại địa phương; đề xuất được giải pháp điều tiết giá trị đất đai tăng thêm.	16	14	60	
17	QĐKQ203	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các cơ sở lý thuyết căn bản về các quá trình thoái hóa đất và kỹ thuật bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất. Nội dung chính của học phần gồm tổng quan thực trạng tài nguyên đất thế giới và Việt Nam; các quá trình thoái hóa đất; các kỹ thuật bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất.	21	9	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
18	QĐKQ204	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức liên quan tới: lược sử sinh thái cảnh quan và các quan niệm; mô hình sinh thái học về các yếu tố cảnh quan; metric cảnh quan; quy hoạch sử dụng đất đa chức năng; quy hoạch sử dụng đất cho phục hồi cảnh quan; quy hoạch sử dụng đất dựa trên dấu chân sinh thái; quy hoạch sử dụng đất khu nông thôn và đô thị; quy hoạch không gian xanh đô thị; quy hoạch hành lang đa dạng sinh học và quy hoạch sử dụng đất trong khu bảo tồn tự nhiên.	23	7	60	
19	QĐKQ205	Quy hoạch vùng lãnh thổ	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức liên quan tới cơ sở, những vấn đề cơ bản của quy hoạch vùng lãnh thổ; quy hoạch vùng trên thế giới và ở Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho người học trình tự, nội dung quy hoạch vùng lãnh thổ, quy hoạch định hướng phát triển một số vùng tại Việt Nam. Đây là học phần tự chọn trong chương trình	22	8	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.				
20	QĐKQ206	Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên vận dụng được nguyên tắc và quy trình quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Điều tra, đánh giá phục vụ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Phân vùng nông nghiệp, quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và lồng ghép các tiêu chí phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường trong quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Giải pháp, quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và xây dựng bộ tiêu chí về chất lượng đất đai phục vụ quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp.	30	15	90	
21	QĐKQ207	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung kiến thức căn bản và nâng cao về các công cụ cơ bản trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất. Cụ thể cung cấp cho học viên kiến thức về các nội dung: Khái quát quản lý tổng hợp tài nguyên đất tổng hợp; Luật pháp và công cụ hành	23	7	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất; Công cụ quy hoạch và quản trị tài nguyên trong quản lý tài nguyên đất tổng hợp; Các công cụ tài chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất.				
22	QĐCT202	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được kiến thức cơ bản và nâng cao về cơ sở vật lý viễn thám, các phương pháp xử lý dữ liệu viễn thám; những nguyên lý và phương pháp phân tích dữ liệu địa lý (GIS). Đặc biệt, học phần tập trung vào ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai.	22	8	60	
23	QĐCT203	Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại	3	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được những kiến thức về một số vấn đề chung về công nghệ thành lập bản đồ; một số công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ; vận dụng được các công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ và ứng dụng một số công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ	29	16	90	
24	QĐQB207	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được hệ thống những khái niệm cơ bản chung về đầu tư và dự	23	7	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				án đầu tư. Học phần cũng cung cấp các kiến thức, quy định về trình tự nghiên cứu soạn thảo dự án đầu tư, trình tự lập dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai, bố cục của dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý, các mô hình quản lý và nội dung quản lý. Lập được một số dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai.				
25	QĐCT204	Ứng dụng công nghệ định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các nội dung chính như sau: Tổng quan về hệ thống GNSS; khả năng ứng dụng GNSS; Hiệu quả ứng dụng GNSS trong quản lý đất đai. Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.	22	8	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
26	QĐQB208	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức chung về quản lý tài nguyên và môi trường; Xu thế sử dụng tài nguyên và môi trường trên thế giới cũng như ở Việt Nam; Nội dung phát triển bền vững tài nguyên và môi trường và nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường.	20	10	60	
27	QĐKQ208	Quản lý sử dụng đất đô thị và các khu chức năng	2	Sau khi kết thúc học phần học viên nắm được các kiến thức cơ bản về đô thị, đô thị hóa và quá trình phát triển đô thị đặc biệt là đất đô thị công nghiệp, khu kinh tế và các khu chức năng. Học viên phân tích và đánh giá được công tác quản lý sử dụng đất đô thị, quản lý nhà nước khu công nghiệp và khu kinh tế. Học phần sẽ giúp cho học viên có các kiến thức cơ bản làm nền tảng học tập các học phần tiếp theo của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai.	20	10	60	
28	QĐQB209	Chính sách tài chính về đất đai nâng cao	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu và phân tích được một số vấn đề chung về ngân sách nhà nước; pháp luật thuế; cơ sở lý	22	8	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				luận về tài chính đất đai; nội dung cơ bản về tài chính đất đai; khoản thu tài chính từ đất đai và pháp luật thuế về đất đai; Nâng cao hiệu quả chính sách thuế về đất đai và nâng cao hiệu quả một số nguồn thu khác từ đất đai				
29	QĐQB210	Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai	2	Sau khi kết thúc học phần nhằm cung cấp cho học viên các vấn đề chung liên quan tới quản lý hành chính về đất đai. Học viên sẽ viết báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn về quản lý hành chính về đất đai.	5	25	60	
30	QĐCT205	Chuyên đề chuyên ngành 2: Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại	2	Sau khi kết thúc học phần nhằm cung cấp cho học viên các vấn đề chung liên quan tới thực trạng, bối cảnh phát triển ngành quản lý đất đai; Định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của ngành Quản lý đất đai; Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại và giải pháp thực hiện. Học viên sẽ viết các báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn của việc xây dựng Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại.	5	25	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (giờ)			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
31	QĐQB211	Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới	2	Sau khi kết thúc học phần nhằm cung cấp cho học viên vấn đề chung liên quan tới quản lý đất đai ở một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Học viên sẽ viết các báo cáo đánh giá, phân tích lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm về quản lý đất đai của các nước trên thế giới áp dụng đối với Việt Nam.	5	25	60	
III	ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP		9					
32	QĐQB213	Đề án tốt nghiệp	9	Áp dụng lý thuyết đã học vào nghiên cứu một đề tài khoa học cụ thể. Ngoài ra, đề án tốt nghiệp để đánh giá khả năng nghiên cứu độc lập của học viên; chứng tỏ học viên đã nắm vững kiến thức đã học, các phương pháp nghiên cứu và kỹ năng thực hành về vấn đề nghiên cứu.				
Tổng số			60					

3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT																Tổng
		1. Kiến thức					2. Kỹ năng					3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	
I	Khối kiến thức chung (06 tín chỉ)																	
1	Tiếng Anh B2	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	2	-	-	-	-	-	2
2	Triết học	3	-	-	-	-	2	-	-	-	-	1	3	-	-	-	-	4
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành																	
II.1	Các học phần bắt buộc (27 tín chỉ)																	
3	Phân tích chính sách đất đai	-	3	-	-	-	2	-	-	-	2	3	-	-	-	-	-	4
4	Tiếng Anh chuyên ngành	-	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	3	-	1	4
5	Đánh giá đất nâng cao	-	-	3	-	-	-	-	-	3	-	-	-	2	-	-	-	3
6	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	-	3	3	-	-	-	-	2	3	-	2	-	-	3	-	-	6
7	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	-	-	-	-	3	-	-	-	3	2	-	-	3	-	-	-	4
8	Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai	-	-	-	-	3	1	-	-	3	-	2	-	-	3	-	-	5
9	Thẩm định giá đất và Bất động sản	-	-	-	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	2	-	3	4

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT																Tổng
		1. Kiến thức					2. Kỹ năng					3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	
10	Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất	-	3	-	-	3	-	-	2	3	-	2	-	-	3	-	-	6
11	Chính sách thu hồi đất	-	3	-	3	-	1	-	-	-	1	2	3	-	-	-	-	6
12	Thực tập ngoại khóa	-	2	-	-	3	-	-	3	3	-	-	-	-	-	-	2	5
13	Thực tập thẩm định giá đất và Bất động sản	-	-	-	3	-	-	-	3	-	3	-	-	2	-	3	-	4
14	Thực tập Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	-	-	-	-	3	-	-	-	3	-	2	-	-	-	-	-	3
II.2	<i>Các học phần lựa chọn (18/36 tín chỉ)</i>																	
15	Quản lý và kinh doanh Bất động sản	-	-	-	3	-	-	-	-	3	-	2	3	-	-	-	-	4
16	Kinh tế đất ứng dụng	-	2	-	3	-	-	-	3	3	-	-	2	-	-	-	-	5
17	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất	-	-	3	-	-	-	-	2	-	-	-	-	1	-	-	-	3
18	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững	-	3	-	-	-	1	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	3
19	Quy hoạch vùng lãnh thổ	-	2	3	-	-	-	-	3	-	-	-	-	3	-	2	-	5
20	Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao	-	-	3	-	-	-	-	3	-	2	-	-	3	-	-	-	4
21	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	-	-	3	2	-	-	-	3	3	-	2	3	-	-	-	-	6
22	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	-	-	-	-	3	-	-	-	-	3	-	-	2	-	-	-	3

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT																Tổng
		1. Kiến thức					2. Kỹ năng					3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm						
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	2.3.5	2.3.6	
23	Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại	-	2	-	-	3	-	-	-	-	3	2	-	-	3	-	-	5
24	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	-	2	-	-	3	-	-	-	3	-	2	-	-	3	-	-	5
25	Ứng dụng công nghệ định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	-	3	2	-	-	-	-	2	-	3	2	-	-	-	-	-	5
26	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao	-	3	2	1	-	1	-	2	-	-	2	3	3	-	-	-	8
27	Quản lý sử dụng đất đô thị và các khu chức năng	-	3	3	-	-	-	-	-	3	-	2	-	-	3	-	-	5
28	Chính sách tài chính về đất đai nâng cao	-	3	-	2	-	1	-	3	-	-	2	3	-	-	-	-	6
29	Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai	-	3	3	2	1	2	3	-	-	-	2	3	3	-	-	-	9
30	Chuyên đề chuyên ngành 2: Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại	-	3	-	-	-	-	3	-	3	-	2	-	-	3	-	-	5
31	Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới	-	3	-	-	-	-	-	3	-	3	2	-	-	3	-	-	5
32	Đề án tốt nghiệp (9 tín chỉ)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	16
Tổng (%)		6,2 %	59,4 %	34,4 %	31,3 %	31,3 %	28,1 %	18 %	34,4 %	53,1 %	21,9 %	75 %	71,9 %	18,8 %	46,9 %	3,1 %	18,8 %	-

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-)

3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ			
			Năm thứ 1		Năm thứ 2	
			HK1	HK2	HK3	HK4
I	Khối kiến thức chung					
1	Triết học	LCML201	3			
2	Tiếng Anh B2	NNTA201	3			
II	Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành					
II.1	Bắt buộc					
3	Tiếng Anh chuyên ngành	QĐKQ209	2			
4	Phân tích chính sách đất đai	QĐQB201	3			
5	Đánh giá đất nâng cao	QĐKQ201	3			
6	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	QĐKQ202	3			
7	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	QĐCT201		2		
8	Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai	QĐQB202	2			
9	Thẩm định giá đất và Bất động sản	QĐQB203		2		
10	Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất	QĐQB204		2		
11	Chính sách thu hồi đất	QĐQB205		2		
12	Thực tập ngoại khóa	QĐQB214		2		
13	Thực tập thẩm định giá đất và bất động sản	QĐQB215			2	
14	Thực tập Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	QĐCT206			2	
II.2	Tự chọn		Chọn 2/4 TC	Chọn 10/16TC	Chọn 6/16TC	
15	Quản lý và kinh doanh Bất động sản	QĐQB206	2			
16	Kinh tế đất ứng dụng	QĐKQ210		2		
17	Bảo vệ phục hồi tài nguyên đất	QĐKQ203		2		
18	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững	QĐKQ204		2		
19	Quy hoạch vùng lãnh thổ	QĐKQ205		2		
20	Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao	QĐKQ206			3	
21	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	QĐKQ207		2		
22	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	QĐCT202			2	
23	Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại	QĐCT203			3	

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ			
			Năm thứ 1		Năm thứ 2	
			HK1	HK2	HK3	HK4
24	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	QĐQB207		2		
25	Ứng dụng công nghệ định vị vệ tinh toàn cầu trong quản lý đất đai	QĐCT204		2		
26	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường nâng cao	QĐQB208	2			
27	Quản lý sử dụng đất đô thị và các khu chức năng	QĐKQ208		2		
28	Chính sách tài chính về đất đai nâng cao	QĐQB209			2	
29	Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai	QĐQB210			2	
30	Chuyên đề chuyên ngành 2: Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại	QĐCT205			2	
31	Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới	QĐQB211			2	
III	Đề án tốt nghiệp					
32	Đề án tốt nghiệp	QĐQB213			9	
Tổng số tín chỉ (60)			21	20	19	

3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần

1. Tiếng Anh B2

3TC

Học phần “Tiếng Anh B2” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ sau đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như thông tin cá nhân (identity), các câu chuyện (tales), tương lai (Future), nghề nghiệp (jobs) và các giải pháp (solutions). Qua môn học này, người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở trình độ B2 thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày và nâng cao khả năng giao tiếp qua những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

2. Triết học

3TC

Triết học là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương của chương trình đào tạo thạc sĩ. Học phần nhằm trang bị những kiến thức cơ bản của các

tư tưởng triết học trong lịch sử, vai trò của của triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay; quan hệ giữa triết học với các khoa học và vai trò của khoa học - công nghệ trong sự phát triển xã hội để rèn luyện thế giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên trong nhận thức và vận dụng thực tiễn.

3. Phân tích chính sách đất đai

3TC

Học phần “*Phân tích chính sách đất đai*” cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức liên quan tới: Các vấn đề cơ bản về chính sách và phân tích chính sách nói chung; Khái niệm, đặc điểm, mục tiêu và vai trò của chính sách đất đai; Khái niệm, mục đích, nội dung và phương pháp phân tích chính sách đất đai; Phân tích một số chính sách đất đai cụ thể ở Việt Nam. Học phần sẽ giúp cho học viên có các kiến thức cơ bản làm nền tảng học tập các học phần tiếp theo của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai.

4. Tiếng Anh chuyên ngành

2TC

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành cung cấp cho học viên kiến thức tổng quát bằng Tiếng Anh của các môn học khác nhau thuộc khối kiến thức ngành Quản lý đất đai như: thuê sử dụng đất, luật đất đai, quy hoạch sử dụng đất, định giá và đánh giá đất. Qua môn học này, học viên sử dụng được và phân biệt được các hiện tượng ngữ pháp thường được sử dụng trong tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành như câu chủ động, bị động, câu điều kiện, câu có mệnh đề quan hệ, câu so sánh. Ngoài ra học viên còn được tiếp cận và sử dụng thành thạo những từ vựng liên quan đến các chủ đề của chuyên ngành Quản lý đất đai với lượng từ chuyên ngành khoảng 200 từ.

5. Đánh giá đất đai nâng cao

3TC

Học phần đánh giá đất đai nâng cao trang bị cho học viên hệ thống kiến thức nâng cao về khung đánh giá đất theo FAO cùng các quy trình đánh giá đất của FAO cho một số nhóm đất chính (đất nông nghiệp có tưới, đất nông nghiệp không có tưới, đất lâm nghiệp); các quy trình và kỹ thuật đánh giá phân hạng đất nông nghiệp, chất lượng đất, ô nhiễm đất theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Quy hoạch sử dụng đất bền vững

3TC

Quy hoạch sử dụng đất là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành, trang bị cho học viên những kiến thức chung về sử dụng đất bền vững; phân tích được khái niệm, cơ sở, nguyên tắc và yêu cầu của quy hoạch sử dụng đất bền vững; Tổng hợp và đánh giá được thực tế quy hoạch sử dụng đất một số nước trên thế

giới và Việt Nam; Vận dụng lồng ghép các yếu tố môi trường và xã hội nhằm đạt được sự bền vững trong quy hoạch sử dụng đất tại Việt Nam. Đánh giá được việc ứng dụng bài toán tối ưu trong lập phương án quy hoạch sử dụng đất.

7. Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai **2TC**

Xây dựng và phát triển dữ liệu đất đai là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành, trang bị cho học viên những kiến thức chung tổng quan về cơ sở dữ liệu đất đai; Trình bày và giải thích được một số khái niệm khái niệm, trách nhiệm xây dựng và giá trị pháp lý của cơ sở dữ liệu đất đai; Tổng hợp và đánh giá được thực trạng và định hướng xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai ở Việt Nam và hệ thống thông tin đất đai một số nước trên thế giới; Vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai và thiết kế được mô hình cơ sở dữ liệu đất đai từ đó cập nhật, vận hành và quản lý bảo mật cơ sở dữ liệu đất đai.

8. Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai **2TC**

Học phần “Hiện đại hóa Hệ thống đăng ký đất đai” là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành, trang bị cho học viên những kiến thức về Hệ thống đăng ký đất đai hiện đại; Lịch sử phát triển của đăng ký đất đai ở Việt Nam; Giao dịch điện tử trong lĩnh vực đất đai; Một số vấn đề chung về Chính phủ điện tử; Chính phủ điện tử ngành Tài nguyên và môi trường; Cơ sở dữ liệu ngành Tài nguyên và môi trường; Mô hình hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai trên thế giới và Việt Nam.

9. Thẩm định giá đất và bất động sản **3TC**

Học phần “*Thẩm định giá đất và bất động sản*” cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức Tổng quan về thẩm định giá đất và bất động sản; các phương pháp thẩm định giá bất động sản; quy trình thẩm định giá bất động sản.

10. Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất **2TC**

Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu được một số vấn đề chung về giám sát, theo dõi, đánh giá việc quản lý và sử dụng đất; Vận dụng trong công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật đất đai; thanh tra, giám sát việc thực hiện chức năng quản lý sử dụng đất đai của các cấp hành chính trong đó tập trung vào giám sát, theo dõi và đánh giá việc quản lý, sử dụng đất đai; thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai và Giám sát của công dân trong quản lý và sử dụng đất đai.

11. Chính sách thu hồi đất**2TC**

Học phần “*Chính sách thu hồi đất*” cung cấp cho học viên các nội dung cơ bản về khái niệm, đặc điểm, vị trí, vai trò của công tác thu hồi đất; các chính sách cụ thể về thu hồi đất như căn cứ thu hồi đất, các trường hợp thu hồi đất, trưng dụng đất, trình tự, thủ tục thu hồi đất; đối tượng, điều kiện, mức bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

12. Thực tập ngoại khóa**2 TC**

Học phần Thực tập ngoại khóa thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành nhằm hỗ trợ học viên ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế với các nội dung sau: phân tích và đánh giá được các kiến thức về chính sách đất đai, đánh giá đất, quy hoạch sử dụng đất. Thông qua hoạt động thực tế khảo sát thực địa tại các địa phương, tìm hiểu đánh giá về công tác xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai, đăng ký đất đai, thẩm định giá đất và bất động sản; thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất cũng như công tác quản lý nhà nước về đất đai, tình hình kinh tế - xã hội và kinh nghiệm quản lý. Học phần được triển khai với hai hình thức cơ bản: Thực tập ngoại khóa theo hình thức cá nhân (1 tín chỉ) và Thực tập ngoại khóa theo hình thức tập trung (1 tín chỉ).

13. Thực tập thẩm định giá và bất động sản**2 TC**

Học phần Thực tập thẩm định giá đất và bất động sản giúp học viên vận dụng kiến thức đã học để biết được quy trình thẩm định giá đất và bất động sản và vận dụng các phương pháp để thẩm định giá bất đất và bất động sản, tổ chức thực hiện các nghiệp vụ định giá đất đai.

14. Thực tập xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai**2 TC**

Học phần Thực tập xây dựng và phát triển dữ liệu đất đai cung cấp cho học viên những kỹ năng về việc thực hiện quy trình vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai; Sau khi thành thạo, nắm rõ quy trình trong vận hành, học viên tiến hành thiết kế các mô hình về hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai; Xử lý thông tin, xây dựng, cập nhật dữ liệu cho cơ sở dữ liệu đất đai. Trình bày và giải thích được một số khái niệm khái niệm, trách nhiệm xây dựng và giá trị pháp lý của cơ sở dữ liệu đất đai; Các học viên sử dụng được các phần mềm phục vụ xây dựng quản lý và vận hành hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất trên nền tảng công nghệ thông tin theo quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

15. Quản lý và kinh doanh Bất động sản **2TC**

Học phần Quản lý và kinh doanh Bất động sản cung cấp cho học viên các kiến thức chung về thị trường bất động sản và kinh doanh bất động sản; Phân tích và đánh giá được các hoạt động kinh doanh bất động sản như các chiến lược; lập phương án và vận dụng được các loại hình đầu tư trong kinh doanh bất động sản; Phân tích, vận dụng được luật kinh doanh bất động sản, các chính sách của nhà nước trong công tác quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản. Học viên có kỹ năng Marketing, kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh bất động sản. Có kỹ năng tìm kiếm các văn bản quy phạm pháp luật, các tài liệu liên quan đến kinh doanh bất động sản.

16. Kinh tế đất ứng dụng **2TC**

Học phần kinh tế đất ứng dụng là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai. Học phần trang bị cho người học những kiến thức về: Tổng quan về kinh tế đất, địa tô, giá trị đất đai tăng thêm; Lợi thế so sánh và chi phí cơ hội trong kinh tế sử dụng đất; các giải pháp điều tiết giá trị đất đai tăng thêm.

17. Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất **2TC**

Học phần Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất nhằm bổ trợ các cơ sở lý thuyết căn bản về các quá trình thoái hóa đất và kỹ thuật bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất. Nội dung chính của học phần gồm tổng quan thực trạng tài nguyên đất thế giới và Việt Nam; các quá trình thoái hóa đất; các kỹ thuật bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất.

18. Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững **2TC**

Học phần Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức liên quan tới: lược sử sinh thái cảnh quan và các quan niệm; mô hình sinh thái học về các yếu tố cảnh quan; metric cảnh quan; quy hoạch sử dụng đất đa chức năng; quy hoạch sử dụng đất cho phục hồi cảnh quan; quy hoạch sử dụng đất dựa trên dấu chân sinh thái; quy hoạch sử dụng đất khu nông thôn và đô thị; quy hoạch không gian xanh đô thị; quy hoạch hành lang đa dạng sinh học và quy hoạch sử dụng đất trong khu bảo tồn tự nhiên.

19. Quy hoạch vùng lãnh thổ **2TC**

Học phần “Quy hoạch vùng lãnh thổ” đề cập đến các kiến thức liên quan tới cơ sở, những vấn đề cơ bản của quy hoạch vùng lãnh thổ; quy hoạch vùng trên thế giới và ở Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho người học trình tự, nội dung quy hoạch

vùng lãnh thổ, quy hoạch định hướng phát triển một số vùng tại Việt Nam. Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.

20. Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao **3TC**

Sau khi kết thúc học phần, học viên vận dụng được nguyên tắc và quy trình quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Điều tra, đánh giá phục vụ quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Phân vùng nông nghiệp, quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và lồng ghép các tiêu chí phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường trong quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Giải pháp, quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp và xây dựng bộ tiêu chí về chất lượng đất đai phục vụ quản lý quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp.

21. Quản lý tài nguyên đất tổng hợp **2TC**

Học phần “Quản lý tài nguyên đất tổng hợp” cung cấp cho học viên các nội dung kiến thức căn bản và nâng cao về các công cụ cơ bản trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất. Cụ thể cung cấp cho học viên kiến thức về các nội dung: Khái quát quản lý tổng hợp tài nguyên đất tổng hợp; Luật pháp và công cụ hành chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất; Công cụ quy hoạch và quản trị tài nguyên trong quản lý tài nguyên đất tổng hợp; Các công cụ tài chính trong quản lý tổng hợp tài nguyên đất.

22. Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai **2TC**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản và nâng cao về cơ sở vật lý viễn thám, các phương pháp xử lý dữ liệu viễn thám; những nguyên lý và phương pháp phân tích dữ liệu địa lý (GIS). Đặc biệt, học phần tập trung vào ứng dụng viễn thám trong quản lý đất đai.

23. Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại **3TC**

Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại là một học phần tự chọn trong khối kiến thức ngành, trang bị cho học viên những kiến thức về một số vấn đề chung về công nghệ thành lập bản đồ; một số công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ; vận dụng được các công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ và ứng dụng một số công nghệ hiện đại trong thành lập bản đồ

24. Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai **2TC**

Học phần Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực quản lý đất đai trang bị cho học viên hệ thống những khái niệm cơ bản chung về đầu tư và dự án đầu tư. Học phần cũng cung cấp các kiến thức, quy định về trình tự nghiên cứu soạn thảo dự án đầu tư,

trình tự lập dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai, bố cục của dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý, các mô hình quản lý và nội dung quản lý. Lập được một số dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai.

25. Ứng dụng công nghệ định vị toàn cầu trong quản lý đất đai **2TC**

Học phần Ứng dụng công nghệ định vị toàn cầu trong quản lý đất đai bao gồm các nội dung chính như sau: Tổng quan về hệ thống GNSS; khả năng ứng dụng GNSS; Hiệu quả ứng dụng GNSS trong quản lý đất đai. Đây là học phần tự chọn trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý đất đai.

26. Quản lý Nhà nước về Tài nguyên và Môi trường nâng cao **2TC**

Học phần “Quản lý Nhà nước về Tài nguyên và Môi trường nâng cao” là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Với thời lượng giảng dạy 2 tín chỉ (tương đương 30 tiết), học phần cung cấp cho học viên các kiến thức chung về quản lý tài nguyên và môi trường; Xu thế sử dụng tài nguyên và môi trường trên thế giới cũng như ở Việt Nam; Nội dung phát triển bền vững tài nguyên và môi trường và nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên, môi trường.

27. Quản lý sử dụng đất đô thị và các khu chức năng **2TC**

Học phần “Quản lý sử dụng đất đô thị và các khu chức năng” cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về đô thị, đô thị hóa và quá trình phát triển đô thị đặc biệt là đất đô thị công nghiệp, khu kinh tế và các khu chức năng. Học viên phân tích và đánh giá được công tác quản lý sử dụng đất đô thị, quản lý nhà nước khu công nghiệp và khu kinh tế. Học phần sẽ giúp cho học viên có các kiến thức cơ bản làm nền tảng học tập các học phần tiếp theo của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản lý đất đai.

28. Chính sách tài chính về đất đai nâng cao **2TC**

Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu và phân tích được một số vấn đề chung về ngân sách nhà nước; pháp luật thuế; cơ sở lý luận về tài chính đất đai; nội dung cơ bản về tài chính đất đai; khoản thu tài chính từ đất đai và pháp luật thuế về đất đai; Nâng cao hiệu quả chính sách thuế về đất đai và nâng cao hiệu quả một số nguồn thu khác từ đất đai

29. Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai **2TC**

Học phần “Chuyên đề Quản lý hành chính về đất đai” nhằm cung cấp cho học viên các vấn đề chung liên quan tới quản lý hành chính về đất đai. Học viên sẽ viết báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn về quản lý hành chính về đất đai.

30. Chuyên đề chuyên ngành 2: Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại 2TC

Học phần “Chuyên đề “Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại” nhằm cung cấp cho học viên các vấn đề chung liên quan tới thực trạng, bối cảnh phát triển ngành quản lý đất đai; Định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của ngành Quản lý đất đai; Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại và giải pháp thực hiện. Học viên sẽ viết các báo cáo đánh giá, phân tích lý luận và thực tiễn của việc xây dựng Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại.

31. Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới 2TC

Học phần “Chuyên đề Quản lý đất đai một số nước trên thế giới” nhằm cung cấp cho học viên vấn đề chung liên quan tới quản lý đất đai ở một số quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Học viên sẽ viết các báo cáo đánh giá, phân tích lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm về quản lý đất đai của các nước trên thế giới áp dụng đối với Việt Nam.

3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

3.7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

** Tại trụ sở chính Hà Nội*

Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Về phòng làm việc, trường có 01 tòa nhà hành chính 05 tầng (nhà C) và 01 tòa nhà hiệu bộ 07 tầng (nhà B) là nơi làm việc của Ban giám hiệu, các phòng ban, các văn phòng khoa và bộ môn. Phòng học của trường hiện có ở cả 2 cơ sở với tổng số phòng là 212 phòng học các loại, trong đó: Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ số lượng là 03, 06 phòng học từ 100-200 chỗ, 136 phòng học từ 50-100 chỗ, 09 phòng học dưới 50 chỗ, 58 phòng học đa phương tiện đáp ứng đầy đủ về nhu cầu của việc giảng dạy và học tập, các phòng có đầy đủ các thiết bị chiếu sáng, quạt, các thiết bị an toàn như: aptomat ngắt điện, hệ thống cứu hỏa.

** Tại phân hiệu Thanh Hóa*

Phân hiệu có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị (bao gồm cả hệ thống chiếu sáng, thông gió, an toàn ...) phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Về phòng làm việc, phân hiệu có 02 tòa nhà hành chính 02 tầng (nhà D) và 01 dãy nhà C là nơi làm việc của Ban giám đốc, các phòng ban, các văn phòng khoa và bộ môn. Phòng học của trường hiện có tổng số phòng là 24 phòng học, trong đó 2 phòng A4 (100,6m²), 2 phòng A5 (100,6m²), 3 phòng B1 (190,8m²), 3 phòng B2 (190,8m²), 3 phòng B4 (190,8m²), 3 phòng B5 (190,8 m²), 4 phòng H1 (344,52m²), 6 phòng H2 (392m²), 1 hội trường (243m²). Các phòng học đa phương tiện đáp ứng đầy đủ về nhu cầu của việc giảng dạy và học tập, các phòng có đầy đủ các thiết bị chiếu sáng, quạt, các thiết bị an toàn như: aptomat ngắt điện, hệ thống cứu hỏa.

b. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Để phục vụ đào tạo, GV và SV được sử dụng máy tính trong các giờ của các học phần về Tin học ứng dụng trên phòng máy theo sự quản lý của Trung tâm Thư viện và CNTT. Các phòng máy được đầu tư trang thiết bị hiện đại, có hệ thống bàn học, ghế, các thiết bị hỗ trợ, thiết bị kết nối mạng, hệ thống chiếu sáng, làm mát, thông gió, aptomat, an toàn, hệ thống chữa cháy hiện đại, các máy tính được cài một số phần mềm phục vụ đào tạo của ngành như ENVL, AnGIS, MicroStation ... đáp ứng và phục vụ tốt nhu cầu đào tạo của ngành Quản lý đất đai

c. Thông tin Thư viện

Thư viện trường được bố trí với tổng diện tích là 892.0m² (tại trụ sở chính Hà Nội) và thư viện Phân hiệu của dãy (H6) được bố trí với tổng diện tích là 128,1m² với các phòng chức năng như phòng đọc, phòng tra cứu điện tử và sinh hoạt chuyên môn, phòng nghiệp vụ mượn – trả, kho sách.

Phần mềm Thư viện số (<http://lib.hunre.edu/index.aspx>) vận hành trên internet cho phép bạn đọc tra cứu tài liệu qua hệ thống mạng, dữ liệu của Thư viện số đa dạng về thể loại tài liệu.

d. Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Quản lý đất đai

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
1	Tiếng Anh B2	Antonia Clare, J. J. Wilson (2015). <i>Speakout Intermediate: Student's book (Second edition)</i> . Pearson Education Limited.
2	Triết học	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2015) Giáo trình Triết học (dùng cho khối không chuyên ngành Triết học trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học tự nhiên, công nghệ), NXB Chính trị Quốc gia.
3	Phân tích chính sách đất đai	Nguyễn Thị Hải Yến (2021), <i>Giáo trình Phân tích chính sách đất đai</i> , Nhà xuất bản Tài nguyên – Môi trường và bản đồ Việt Nam.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		Nguyễn Đình Bông (2020), <i>Quản lý đất đai ở Việt Nam (1980-2020) thực tiễn và nhận thức</i> , Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và công nghệ
		Nguyễn Văn Sửu (2010), <i>Đổi mới chính sách đất đai ở Việt Nam, từ lý luận đến thực tiễn</i> , Nhà Xuất bản chính trị Quốc gia.
4	Tiếng Anh chuyên ngành	Peter Dale & John McLaughlin, 1999. Land Administration. Oxford University Press Inc., New York
		Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Thị Hai Yên, Hoàng Thị Tuyết Nhung, Phạm Thị Hồng Quê, (2019), <i>English for Land Management</i> , Ministry of natural resources an environment, Hanoi University of Natural Resources and Environment, Vietnam
5	Đánh giá đất đai nâng cao	Đào Châu Thu, Nguyễn Khang (1998), <i>Đánh giá đất</i> . Nhà xuất bản Nông nghiệp.
		Lê Thái Bạt (2015), <i>Sổ tay điều tra, phân loại, lập bản đồ đất và đánh giá đất</i> . Nhà xuất bản Nông nghiệp.
		<u>Louise O. Freco</u> , Herman G.J.Huizinga, Hermenvan Keulen, Henk A.Luning, Robert A.Schipper (1999). <i>Land Evaluation and Farming Systems Analysis for Land Use Planning</i> . FAO.
6	Quy hoạch sử dụng đất bền vững	Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Phạm Anh Tuấn & CS (2016), Quy hoạch sử dụng đất bền vững, NXB Tài nguyên môi trường và Bản đồ Việt Nam.
		Chu Văn Thịnh & cs, 2020, <i>Quy hoạch sử dụng đất</i> , NXB Tài nguyên môi trường và Bản đồ Việt Nam.
		Philip R. Berke, DavidR. Godschalk, and Edward J. Kaiser with Daniel A. Rodriguez (2006), <i>Urban Land use Planning</i> , University of Illinois Press Urbana and Chicago.
7	Xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	Lê Thị Giang (2017), <i>Giáo trình cơ sở dữ liệu đất đai</i> , Nhà xuất bản Đại học nông nghiệp;
		Dương Đăng Khôi (2012). <i>Giáo trình hệ thống thông tin địa lý</i> . Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
8	Hiện đại hoá hệ thống đăng ký đất đai	Tổng cục Quản lý đất đai (2020), <i>Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai (đã cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung)</i> , NXB Lao động;

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		Nguyễn Đình Bồng, Trần Thị Minh Hà, Nguyễn Thu Hồng (2014), <i>Mô hình quản lý Đất đai hiện đại của một số nước và khả năng áp dụng cho Việt Nam</i> , NXB Chính trị Quốc gia;
		Thái Thị Quỳnh Như, Vũ Lệ Hà, 2013, <i>Giáo trình đăng ký và thống kê đất đai</i> , Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội;
9	Thẩm định giá đất và bất động sản	Trịnh Hữu Liên (2013), <i>Định giá bất động sản</i> , NXB Nông nghiệp
10	Thanh tra, giám sát quản lý sử dụng đất	Trường Đại học Luật Hà Nội, 2019, <i>Giáo trình Luật đất đai</i> , NXB Công an nhân dân
		Trịnh Hữu Liên (2015), <i>Giáo trình thanh tra đất đai</i> , NXB Khoa học và kỹ thuật;
		Trương Quốc Cần & cs, 2018, <i>Sổ tay hướng dẫn công dân giám sát quản lý và sử dụng đất đai</i> , NXB Thông tin và truyền thông;
11	Chính sách thu hồi đất	Phạm Thị Thanh Huyền, Phạm Phương Nam (2020), <i>Giáo trình giao đất, thu hồi đất</i> , NXB Học viện Nông nghiệp
		Việt Nam (CHXHCN) (2017), <i>Luật đất đai</i> , NXB Chính trị quốc gia sự thật.
		Đỗ Xuân Trọng (2016), <i>Chi dẫn áp dụng luật đất đai năm 2013</i> , NXB Lao động
		Nguyễn Thị Nga (2015), <i>Hỏi đáp Luật đất đai</i> , NXB Tư pháp
12	Thực tập ngoại khóa	Trường Đại học Luật Hà Nội (2018), <i>Giáo trình Luật Đất đai</i> , Nhà xuất bản Công an nhân dân
		Tổng cục Quản lý đất đai (2020), <i>Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai</i> , Nhà xuất bản Lao động
13	Thực tập thẩm định giá đất và bất động sản	Nguyễn Thế Phương (2011), <i>Giáo trình thẩm định giá bất động sản</i> , Trường Đại học tài chính – marketing, NXB Phương Đông.
		Phạm Anh Tuấn (2016), <i>Giáo trình định giá đất</i> , Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
14	Thực tập xây dựng và phát triển cơ sở dữ liệu đất đai	Lê Thị Giang (2017), <i>Giáo trình cơ sở dữ liệu đất đai</i> , Nhà xuất bản Đại học nông nghiệp
15	Quản lý và kinh doanh bất động sản	Phạm Văn Bình, Hồ Phi Hà (2018), <i>Giáo trình kinh doanh bất động sản</i> , NXB tài chính.
		TS. Trịnh Hữu Liên (2013), <i>Giáo trình Thị trường bất động sản</i> , Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
16		Nguyễn Hoàn (2013), <i>Kinh tế đất</i> , NXB Lao động.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
	Kinh tế đất ứng dụng	Đỗ Thị Dinh (2018), <i>Kinh tế vi mô</i> , NXB Xây dựng.
17	Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất	Dương Đăng Khôi (2016), Bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất, NXB Tài nguyên và môi trường Hà Nội Helmut Meuer (2012), <i>Soil Remediation and Rehabilitation</i> , NXB London: Springe
18	Cơ sở sinh thái cảnh quan trong quy hoạch sử dụng đất bền vững	Nguyễn An Thịnh (2014). Cơ sở sinh thái cảnh quan trong kiến trúc cảnh quan và quy hoạch sử dụng đất bền vững. NXB Thế giới. Nassauer. Joan Iverson (1997), <i>Landscape Ecology</i> , NXB Washington: Island Press
19	Quy hoạch vùng lãnh thổ	Phạm Kim Giao (2012), Quy hoạch vùng, NXB Xây dựng. Trần Trọng Hanh (2015), <i>Quy hoạch vùng</i> , NXB Xây dựng.
20	Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp nâng cao	Hội Khoa học đất Việt Nam (2000). Đất Việt Nam. NXB Nông nghiệp. Hà Nội. Đoàn Công Quý và nnk. (2006). Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất. NXB Nông nghiệp. Hà Nội. Sally P. Marsh, T. Gordon MacAulay, Phạm Văn Hùng (2007). Phát triển nông nghiệp và chính sách đất đai ở Việt Nam. NXB Nông nghiệp. Hà Nội
21	Quản lý tài nguyên đất tổng hợp	Nguyễn An Thịnh, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, 2015. Giáo trình quản lý tài nguyên đất tổng hợp. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
22	Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai	Vũ Danh Tuyên (2017), Giáo trình Cơ sở viễn thám, NXB Khoa học và kỹ thuật Dương Đăng Khôi (2012), Giáo trình hệ thống thông tin địa lý, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Nguyễn An Thịnh, Phạm Anh Tuấn, Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2016), <i>Giáo trình Viễn thám và GIS ứng dụng trong quản lý đất đai</i> . Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.
23	Công nghệ thành lập bản đồ hiện đại	Nguyễn Thế Việt (2002), Thiết kế-biên tập và thành lập bản đồ, Trường Đại học Mỏ Địa chất, Hà Nội. Lâm Quang Dốc, Phạm Ngọc Đĩnh, Lê Huỳnh. Bản đồ học, Đại học Quốc Gia Hà nội, trường ĐHSK, 1995.
24	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	Nguyễn Bạch Nguyệt (2013), <i>Lập dự án đầu tư</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		Từ Quang Phương (2006), <i>Quản lý dự án đầu tư</i> , NXB Lao động-Xã hội
25	Ứng dụng công nghệ định vị toàn cầu trong quản lý đất đai	Hofmann-Wellenhof (2011), <i>GPS:B. Theory and practice</i> , NXB New York: SpringerWienNewYork Walsh, Machael J.(2003), <i>NAVSTAR Global Positioning System Surveying</i> , NXB Washington: US Army Corps of Engineers
26	Quản lý Nhà nước về Tài nguyên và Môi trường nâng cao	Nguyễn Đức Khiển (2013), <i>Sử dụng hợp lý tài nguyên môi trường để phát triển bền vững ở Việt Nam</i> , NXB Khoa học và kỹ thuật Lê Huy Bá, (2002), <i>Tài nguyên môi trường và phát triển bền vững</i> , NXB Khoa học và kỹ thuật
27	Quản lý sử dụng đất đô thị và các khu chức năng	Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Hữu Đoàn (2003), <i>Giáo trình Quản lý đô thị</i> , NXB thống kê, Hà Nội Nguyễn Thế Bá, (2004), <i>Giáo trình Quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị</i> , NXB xây dựng, Hà Nội
28	Chính sách tài chính về đất đai nâng cao	Trần Quang Huy, 2018, <i>Giáo trình Luật Đất đai</i> , NXB Công an nhân dân; Phạm Thị Thu Giang, 2018, <i>Giáo trình Luật Thuế Việt Nam</i> , NXB Công an nhân dân; Nguyễn Văn Tuyên, 2018, <i>Giáo trình Luật ngân sách nhà nước</i> , NXB Công an nhân dân;
29	Chuyên đề chuyên ngành 1: Quản lý hành chính về đất đai	Nguyễn Đình Bông, Lê Thanh Khuyến, Vũ Văn Phúc, Trần Thị Minh Châu (2012), <i>Quản lý đất đai ở Việt Nam 1945-2010</i> , NXB Chính trị Quốc gia. Nguyễn Đình Bông, Trần Thị Minh Hà, Nguyễn Thu Hồng (2014), <i>Mô hình quản lý Đất đai hiện đại của một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam</i> , NXB Chính trị Quốc gia .
30	Chuyên đề chuyên ngành 2: Mô hình quản lý đất đai theo công nghệ hiện đại	Nguyễn Đình Bông, Lê Thanh Khuyến, Vũ Văn Phúc, Trần Thị Minh Châu (2012), <i>Quản lý đất đai ở Việt Nam 1945-2010</i> , Nxb Chính trị Quốc gia. Nguyễn Đình Bông, Trần Thị Minh Hà, Nguyễn Thu Hồng (2014), <i>Mô hình quản lý Đất đai hiện đại của một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam</i> , NXB Chính trị Quốc gia.
31	Chuyên đề chuyên ngành 3: Quản lý đất đai một số nước trên thế giới	Nguyễn Đình Bông, Trần Thị Minh Hà, Nguyễn Thu Hồng, 2014, <i>Mô hình quản lý Đất đai hiện đại của một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam</i> , NXB Chính trị Quốc gia;

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		Lưu Vũ Kỳ chủ nhiệm (biên dịch và chuyển ngữ Tôn Gia Huyền), 2019, Lý luận về địa chính hiện đại, Hội Khoa học đất Việt Nam.
		Đặng Hùng Võ, Nguyễn Đức Khả, 2007, Cơ sở địa chính, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội;

3.7.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	Đơn vị công tác
1	Phạm Anh Tuấn	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Khoa Quản lý đất đai, Trường ĐHTNMTHN
2	Nguyễn Thị Hải Yến	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Khoa Quản lý đất đai, Trường ĐHTNMTHN
3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Khoa Quản lý đất đai, Trường ĐHTNMTHN
4	Lê Thị Thùy Dung	Tiến sĩ	Triết học	Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHTNMTHN
5	Vũ Danh Tuyên	Tiến sĩ	Trắc địa	Ban giám hiệu Trường ĐHTNMTHN
6	Dương Đăng Khôi	Tiến sĩ	Khoa học môi trường	Khoa Quản lý đất đai, Trường ĐHTNMTHN
7	Nguyễn Thị Khuy	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Khoa Quản lý đất đai, Trường ĐHTNMTHN
8	Trần Xuân Biên	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Phân hiệu Thanh Hóa, Trường ĐHTNMTHN
9	Lê Thị Kim Dung	Tiến sĩ	Quản lý đất đai, địa chính và quan trắc đất đai	Khoa Quản lý đất đai, Trường ĐHTNMTHN
10	Đào Văn Khánh	Tiến sĩ	Trắc địa	Khoa Quản lý đất đai, Trường ĐHTNMTHN
11	Bùi Thị Cẩm Ngọc	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Khoa Quản lý đất đai, Trường ĐHTNMTHN
12	Phạm Thị Hồng Quế	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ, Trường ĐHTNMTHN
13	Đặng Đức Chính	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	Bộ môn Ngoại ngữ, Trường ĐHTNMTHN
14	Nguyễn Thị Luyến	Tiến sĩ	Lý luận chính trị	Khoa Lý luận chính trị, Trường ĐHTNMTHN

TT	Họ và tên	Học hàm/ học vị	Chuyên ngành TN	Đơn vị công tác
15	Lưu Văn Năng	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Tổng cục QLDD
16	Vũ Sỹ Kiên	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Tổng cục QLDD
17	Nguyễn Đình Bồng	Tiến sĩ	Khoa học đất	Hội Khoa học đất
18	Mai Văn Phần	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Tổng cục QLDD
19	Hoàng Xuân Phương	Tiến sĩ	Khoa học đất	Trường ĐH Lâm Nghiệp
20	Nguyễn Tiến Cường	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Viện nghiên cứu Quản lý đất đai
21	Lê Anh Trung	Tiến sĩ	Môi trường	Phân hiệu Thanh Hóa, Trường ĐHTNMTHN

3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình:

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận; 45÷90 giờ thực tập tại cơ sở, 45 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn; đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp hoặc đề án tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của học viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng học viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và học viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2022.

3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình

* *Chương trình trong nước*

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai, Đại học Khoa học Tự nhiên - ĐHQG Hà Nội
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai, Trường ĐH Nông - Lâm Thái Nguyên
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai, Trường ĐH Nông - Lâm Bắc Giang;
- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai, Trường ĐH Nông - Lâm Thành Phố Hồ Chí Minh

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý đất đai, Trường Đại học Cần Thơ.

*** Chương trình nước ngoài**

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Địa chính, Đại học Kiến trúc, thiết kế và quy hoạch - Đại học Alborg (Copenhagen, Đan Mạch)

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý đất đai và bất động sản nông thôn, trường Đại học Harper Adams

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lý đất đai và khoa học không gian địa lý, trường Đại học Kỹ thuật Munich


- Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành quản lý đất đai, Trường Đại học Quản lý đất đai, Matxcova, Liên bang Nga.

- Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành quản lý đất đai, Trường Đại học Nam xứ Wales, Australia.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Vũ Danh Tuyên

Hà Nội, ngày 01 tháng 06 năm 2022
TRƯỞNG KHOA



Phạm Anh Tuấn